

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 7 năm 2024

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VĨNH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Thành Công

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Ngọc Triền

Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Xuân Chín – Thư ký Tòa án

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2024/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Chị Trần Thị Ch, sinh năm 1993, có mặt

Nơi ĐKKHKT: Thôn KĐ, xã AT, huyện VT, Vĩnh Phúc

Nơi ở hiện tại: Thôn Cầu Gạo, xã Tân Lập, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

***Bị đơn:*** Anh Lê Văn N, sinh năm 1983, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn KĐ, xã AT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 3 năm 2024 và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Ch trình bày:***

***Về quan hệ tình cảm vợ chồng:*** Chị và anh Lê Văn N kết hôn ngày 03/5/2013, trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn, chị về làm dâu và chung sống với gia đình anh N ở thôn KĐ, xã AT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình chung sống, ngay sau khi kết hôn đã không hạnh phúc, anh N không quan tâm, yêu thương chị, có biểu hiện chơi bời, không chịu khó làm ăn; nguyên nhân do các bên tìm hiểu nhau không kỹ, do người lớn mai mối thời gian ngắn

rời kết hôn, chị và anh N không hiểu nhau. Khi chị có thai được vài tháng thì anh N bỏ đi làm ăn, rất ít khi về thăm nhà và hầu như không quan tâm đến chị. Cuộc sống vợ chồng chỉ thực sự tồn tại trên danh nghĩa, hai bên không yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau; sự việc như vậy kéo dài đến năm 2022 mà không có tiến triển gì nên chị đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ chị ở thôn Cầu Gạo, xã Tân Lập, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống cho đến nay, không có dàn xếp gì.

Chị xác định tình cảm với anh N không còn, chị xin được ly hôn.

*Về con chung:* Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Tùng Dương, sinh ngày 23/3/2014. Hiện cháu Dương đang ở cùng với anh N và ông bà nội ở xã AT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Ly hôn, chị để cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức:* Chị và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về án phí:* Chị Ch tự nguyện chịu nộp.

***Bị đơn là anh Lê Văn N vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm:*** Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh N nhưng anh N không hợp tác, không đến Tòa làm việc nên Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của anh N. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương xã AT nơi anh N cư trú; làm việc với bố mẹ đẻ anh N (sống cùng nhà với anh N) thì được biết: anh N hiện sinh sống tại địa phương, có đi làm thuê ở địa phương khác. Việc chị Trang xin ly hôn anh có biết, xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn nhưng anh sẽ không đến Tòa án để làm việc. Tuy không lấy được lời khai của anh N, nhưng Tòa án sẽ căn cứ lời khai các đương sự, ý kiến chính quyền địa phương, người thân của anh N để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án cũng đã lấy ý kiến của con chung là cháu Lê Tùng Dương, sinh ngày 23/3/2014; cháu có nguyện vọng được sống cùng với anh N và ông bà nội tại xã AT, VT.

***Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa:***

*Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh N không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

*Về đường lối giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về án phí.

Xử cho chị Trần Thị Ch được ly hôn anh Lê Văn N.

Về con chung: Giao cho anh N được nuôi dưỡng cháu cháu Lê Tùng Dương, sinh ngày 23/3/2014; hai bên không phải đóng góp nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: không đề nghị HĐXX giải quyết.

Về án phí: Chị Ch phải chịu nộp theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Ch khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn N. Bị đơn có nơi cư trú tại xã AT, huyện VT, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Lê Văn N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Ch và anh N là tự nguyện, hợp pháp, có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, các bên kết hôn do mai mối của người lớn, tìm hiểu nhau không kỹ nên khi về chung sống với nhau đã không hạnh phúc; cả hai bên không yêu thương, chăm sóc nhau; các bên chỉ tồn tại hôn nhân trên danh nghĩa; sự việc kéo dài từ năm 2014 đến nay.

Xét các bên đã mâu thuẫn trầm trọng, các bên đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc. Do vậy, việc chị Trang xin ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Tùng Dương, sinh ngày 23/3/2014. Hiện cháu Dương đang ở cùng với anh N và bố mẹ đẻ anh N ở xã AT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Xét điều kiện hiện nay cháu Dương đang sống trong môi trường tốt cả về vật chất, tinh thần; việc chị Trang tự nguyện để anh N nuôi con, chị không phải đóng góp nuôi con là tự nguyện, phù hợp với thực tế và pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của con chung là cháu Dương, nên được HĐXX chấp nhận.

2.3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí: Chị Ch phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:* Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Ch và anh Lê Văn N được ly hôn

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Tùng Dương, sinh ngày 23/3/2014 (hiện đang sống cùng với anh N và bố mẹ đẻ anh N ở xã AT, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc). Chị Ch không phải đóng góp nuôi con chung cùng anh N.

Vì quyền lợi của con chung, sau khi ly hôn, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức đóng góp nuôi con. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định, không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Ch phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0004825 ngày 03 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VT.

5. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện VT;
- THADS huyện VT;
- UBND xã AT;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thành Công**

